ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số...../2026/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2026*

SỞ QUY HOẠCH-KIẾN TRÚC
CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DỰ THẢO
26.10.2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch trong chấp thuận hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định giao chủ đầu tư, quyết định đầu tư dự án, lựa chọn nhà đầu tư và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật Công nghiệp công nghệ số 71/2025/QH15, Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15, Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 53/2026/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể thành phố, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể thành phố, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giá quy hoạch tổng thể thành phố; việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng thể thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2026/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về loại quy hoạch, hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn, hoạt động kiến trúc trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 55/2026/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch không gian ngầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số ...../TTr-SQHKT ngày ... tháng ... năm 2026 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số .../BC-STP ngày…tháng…năm 2026.

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định Quy định về đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch trong chấp thuận hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định giao chủ đầu tư, quyết định đầu tư dự án, lựa chọn nhà đầu tư và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trên địa bàn Thành phố.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 34 Luật Phát triển đô thị về việc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch đô thị và nông thôn có liên quan trên cơ sở nguyên tắc của pháp luật về quy hoạch đối với hồ sơ Đề xuất dự án đầu tư (hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) khi chấp thuận hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định giao chủ đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) khi quyết định đầu tư dự án;

2. Đối với các dự án không có cấu phần xây dựng và các dự án mà theo quy định của pháp luật quy hoạch không sử dụng quy hoạch đô thị và nông thôn để đánh giá, việc đánh giá thực hiện theo quy định pháp luật quy hoạch, đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng và các quy định có liên quan.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng cho các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện các thủ tục đầu tư nêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này; Sở Quy hoạch – Kiến trúc; Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu; Ban Quản lý các khu chức năng; nhà đầu tư, chủ đầu tư và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dự án là dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15.

2. *Quyết định đầu tư dự án* là Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng theo pháp luật về xây dựng.

3. *Quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế đô thị riêng do cơ quan nhà nước tổ chức lập* là các quy hoạch chi tiết (bao gồm cả quy hoạch tổng mặt bằng) hoặc thiết kế đô thị riêng do cơ quan nhà nước tổ chức lập theo yêu cầu quản lý, phát triển (trừ quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế đô thị riêng do Nhà đầu tư được lựa chọn tổ chức lập để thực hiện dự án đầu tư theo khoản 8 Điều 17 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn).

4. *Ban Quản lý các khu chức năng* là Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, các Ban Quản lý khác do Ủy ban nhân dân Thành phố lập có chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch kiến trúc.

Điều 4. Quy định chung về đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch

1. Tuân thủ nguyên tắc căn cứ vào một trong các quy hoạch đô thị và nông thôn (bao gồm Quy hoạch tổng thể Thành phố) để đánh giá sự phù hợp của dự án. Đồng thời phải đảm bảo tính đồng bộ, thứ bậc, phù hợp giữa các loại và cấp độ quy hoạch.

2. Trường hợp dự án phù hợp với quy hoạch được sử dụng để đánh giá nhưng có sự mâu thuẫn giữa quy hoạch được sử dụng để đánh giá với quy hoạch cùng cấp hoặc quy hoạch cấp trên thì đánh giá dự án chưa phù hợp quy hoạch.

3. Đối với dự án có nhiều quy hoạch được lựa chọn để đánh giá sự phù hợp, phải ưu tiên chọn quy hoạch có cấp độ chi tiết hơn (theo thứ tự: quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị riêng; quy hoạch phân khu; quy hoạch chung; quy hoạch tổng thể), đồng thời cần rà soát sự phù hợp với quy hoạch cùng cấp và quy hoạch cấp trên để đảm bảo sự đồng bộ giữa các quy hoạch theo khoản 1 Điều này.

4. Ngoài việc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch, cần đánh giá sự phù hợp với Quy chế quản lý kiến trúc Thành phố, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn.

5. Nội dung đánh giá phải xác định rõ dự án có hoặc không phù hợp với quy hoạch, cơ sở để đưa ra kết quả đánh giá.

6. Bảo đảm tính công khai, minh bạch, thuận lợi cho công tác đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án.

Điều 5. Quy hoạch được sử dụng để đánh giá sự phù hợp của dự án

1. Quy hoạch được sử dụng để đánh sự phù hợp của Đề xuất dự án đầu tư (hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) khi chấp thuận hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định giao chủ đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư như sau:

a) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung thì sử dụng quy hoạch tổng thể hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch phân khu;

b) Dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng ngầm, công trình giao thông ngầm, công trình xây dựng cho mục đích kết nối không gian ngầm được xác định tại quy hoạch không gian ngầm thì sử dụng quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch không gian ngầm hoặc quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật hoặc quy hoạch tổng thể hoặc quy hoạch chung;

c) Dự án đầu tư xây dựng về phát triển kết cấu hạ tầng được xác định tại quy hoạch tổng thể thì sử dụng quy hoạch tổng thể;

d) Dự án đầu tư xây dựng có phạm vi ranh giới toàn bộ khu chức năng được xác định trong Quy hoạch tổng thể thì sử dụng Quy hoạch tổng thể và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn. Trường hợp đã có quy hoạch chung khu chức năng thì sử dụng quy hoạch này và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn;

đ) Dự án đầu tư xây dựng có phạm vi ranh giới thuộc một phần khu chức năng được xác định trong Quy hoạch tổng thể thì sử dụng quy hoạch phân khu khu chức năng, Quy chế quản lý kiến trúc Thành phố và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn. Trường hợp chưa có quy hoạch phân khu thì xác định chưa đủ điều kiện để đánh giá sự phù hợp của dự án;

e) Đối với dự án thuộc trường hợp thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt theo Điều 28 Luật Đầu tư, việc đánh giá sự phù hợp của dự án thực hiện theo khoản 4 Điều 47 Nghị định 96/2026/NĐ-CP;

g) Đối với dự án không thuộc điểm a, b, c, d, đ, e Khoản này mà thuộc khu vực phải lập quy hoạch phân khu thì sử dụng quy hoạch phân khu, quy chế quản lý kiến trúc Thành phố và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn; trường hợp chưa có quy hoạch phân khu thì xác định chưa đủ điều kiện để đánh giá sự phù hợp của dự án và chưa đủ điều kiện để xem xét. Trường hợp khu vực đã có quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế đô thị riêng do cơ quan nhà nước tổ chức lập (không phân biệt có quy hoạch phân khu hay chưa) thì sử dụng quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế đô thị riêng để đánh giá;

h) Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư nông thôn và dự án đầu tư xây dựng công trình khác thuộc khu vực nông thôn thì sử dụng quy hoạch chi tiết nông thôn do cơ quan nhà nước tổ chức lập; trường hợp chưa có quy hoạch chi tiết do cơ quan nhà nước tổ chức lập thì căn cứ quy hoạch chung xã và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn;

i) Đối với dự án nhà ở xã hội thì sử dụng quy hoạch phân khu để đánh giá. Trường hợp chưa có quy hoạch phân khu hoặc thuộc khu vực không phải lập quy

hoạch phân khu thì sử dụng quy hoạch tổng thể hoặc quy hoạch chung để đánh giá, đồng thời phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn để đánh giá;

k) Đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i Khoản này, việc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. Trường hợp quy định pháp luật hiện hành sử dụng quy hoạch tỉnh để đánh giá thì thay thế bằng đánh giá sự phù hợp với nội dung quy hoạch tỉnh được tích hợp trong quy hoạch tổng thể Thành phố sau khi quy hoạch tổng thể Thành phố được phê duyệt;

2. Việc xác định quy hoạch được sử dụng để đánh sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) trong hồ sơ dự án khi quyết định đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

Điều 6. Nội dung đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch

Ngoài việc tuân thủ quy định chung tại Điều 4 Quyết định này, việc đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư xây dựng với quy hoạch cần căn cứ vào nội dung liên quan vấn đề quy hoạch (được xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo đối tác công tư) trong hồ sơ Đề xuất dự án đầu tư (hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư), Báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật) để đối chiếu với nội dung trong hồ sơ quy hoạch của từng loại quy hoạch được liệt kê tại các khoản sau đây:

1. Sự phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thành phố

a) Đánh giá sự phù hợp của dự án với quan điểm; mục tiêu; định hướng phát triển không gian; định hướng phân vùng chức năng; định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật cấp tỉnh, liên xã; định hướng phát triển hạ tầng xã hội cấp tỉnh, liên xã, định hướng phát triển không gian ngầm;

b) Đánh giá sự phù hợp của dự án với phân khu chức năng trong Bản đồ sử dụng đất quy hoạch (cấp độ đơn vị ở), quy hoạch hệ thống hạ tầng giao thông; các quy hoạch chuyên ngành tích hợp trong Quy hoạch tổng thể Thành phố;

c) Đánh giá sự phù hợp của các nội dung khác trong hồ sơ Đề xuất dự án đầu tư (hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư), Báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật) có thể hiện trong nội dung quy hoạch tổng thể.

2. Sự phù hợp với Quy hoạch chung (quy hoạch chung khu chức năng, quy hoạch chung xã, quy hoạch chung đô thị)

a) Đánh giá sự phù hợp của dự án với quan điểm; mục tiêu; định hướng phát triển không gian; định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật;

b) Đánh giá sự phù hợp của dự án với phân khu chức năng trong Bản đồ sử dụng đất quy hoạch, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch;

c) Đánh giá sự phù hợp của các nội dung khác trong hồ sơ Đề xuất dự án đầu tư (hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư), Báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật) có thể hiện trong nội dung quy hoạch chung được sử dụng để đánh giá.

3. Sự phù hợp với quy hoạch không gian ngầm thành phố

a) Đánh giá sự phù hợp của dự án với quan điểm; mục tiêu; định hướng phát triển không gian ngầm;

b) Đánh giá sự phù hợp của dự án với khu vực khai thác sử dụng không gian ngầm, khu vực hạn chế, khu vực cấm xây dựng;

c) Đánh giá sự phù hợp của dự án với chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, cốt xây dựng, chức năng sử dụng không gian ngầm;

d) Đánh giá sự phù hợp của các nội dung khác trong hồ sơ Đề xuất dự án đầu tư (hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư), Báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật) có thể hiện trong nội dung quy hoạch không gian ngầm.

4. Sự phù hợp với quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật

a) Đánh giá sự phù hợp của dự án với mục tiêu quy hoạch, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, nhu cầu sử dụng đất (quy mô diện tích, phạm vi ranh giới) để xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án;

b) Đánh giá sự phù hợp với vị trí, quy mô công suất, hướng tuyến, phạm vi phục vụ của các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án;

c) Đánh giá sự phù hợp của các nội dung khác trong hồ sơ Đề xuất dự án đầu tư (hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư), Báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật) có thể hiện trong nội dung quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật được sử dụng để đánh giá.

5. Sự phù hợp với quy hoạch phân khu

a) Đánh giá đến cấp độ đất nhóm nhà ở hoặc ô phố về chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật (quy mô dân số, lao động, quy mô đất đai (diện tích các chức năng sử dụng đất, chỉ tiêu sử dụng đất (m^2/người), các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và môi trường); một số chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch gồm mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình hoặc chiều cao công trình, chiều sâu xây dựng tối đa (hoặc số tầng hầm);

b) Đánh giá sự phù hợp của các nội dung khác trong hồ sơ Đề xuất dự án đầu tư (hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương

đầu tư), Báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật) có thể hiện trong nội dung quy hoạch phân khu được sử dụng để đánh giá.

6. Sự phù hợp với quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị riêng

a) Đánh giá đến cấp độ đất ở hoặc lô đất về chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật (quy mô dân số, lao động, quy mô đất đai (diện tích các chức năng sử dụng đất, chỉ tiêu sử dụng đất (m2/người), các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và môi trường); một số chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch gồm mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình hoặc chiều cao công trình, khoảng lùi công trình, chiều sâu xây dựng tối đa (hoặc số tầng hầm);

b) Đánh giá sự phù hợp của các nội dung khác trong hồ sơ Đề xuất dự án đầu tư (hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư), Báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) có thể hiện trong nội dung quy hoạch phân khu được sử dụng để đánh giá.

Điều 7. Quy định đối với một số trường hợp đặc thù

Các dự án được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 Luật Quy hoạch và khoản 2 Điều 26 Nghị định 217/2026/NĐ-CP không phải đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch trong chấp thuận hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định giao chủ đầu tư, quyết định đầu tư dự án, lựa chọn nhà đầu tư và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Phương án thiết kế xây dựng không được tăng các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật so với hiện trạng xây dựng; đồng thời phải phù hợp với nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật trong các quy hoạch được duyệt (nếu có) và phải phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn Việt Nam (được viện dẫn trong văn bản quy phạm pháp luật hoặc quy chuẩn kỹ thuật) và các quy định có liên quan.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Xây dựng phổ biến, hướng dẫn Ban Quản lý các khu chức năng, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định này;

b) Trong 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định này, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chính phủ, Bộ Xây dựng những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Bộ Xây dựng;

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu chức năng, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu để đánh giá hiệu quả thi hành Quyết định này sau 01 năm thực hiện; thực hiện sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quyết định này theo quy định của pháp luật. Hằng năm, tham

mưu Ủy ban nhân dân Thành phố để báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố, Chính phủ về việc thực hiện Quyết định này;

b) Chủ trì, phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu chức năng, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện trách nhiệm giải trình việc thực hiện Quyết định này khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

4. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời cho Sở Quy hoạch - Kiến trúc để được hướng dẫn thực hiện hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Quy định chuyển tiếp:

a) Đối với các dự án đã được chấp thuận hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định giao chủ đầu tư, quyết định đầu tư dự án, lựa chọn nhà đầu tư và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo mà không phải thực hiện lại việc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch. Việc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch khi thực hiện các thủ tục tiếp theo thực hiện theo Quyết định này.

b) Đối với các hồ sơ đã tiếp nhận trước ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong thì việc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch thực hiện theo Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Các Ban, Bộ ngành Trung ương;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND.TP;
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND.TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- UBMTTQ Việt Nam TP.HCM;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

- Cục KTVB và TCTHPL-Bộ Tư pháp;
- Các Ban của HĐND.TP;
- Các Đoàn thể Thành phố;
- VPUB: các PCVP;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Các phòng: ĐT, DA, KT, NCPC, TH;
- Lưu: VT, (ĐT/NĐD).